

quynh hoa

By qnujs

WORD COUNT

8379

TIME SUBMITTED

14-OCT-2025 09:16AM

PAPER ID

118583146

The application of digital technology to ensure citizens' right to participate in state governance within the two-tier local government structure

Abstract

The application of digital technology plays a crucial role in ensuring and promoting citizens' right to participate in state administration. Within the two-tier local government model, digital transformation expands citizens' access to information, facilitates public consultation, and enhances their ability to monitor and provide feedback on governmental activities. This article examines the legal foundations of citizens' participatory rights, explores the relationship between digital technology and the exercise of these rights, and assesses current practices in Vietnam. The findings indicate that digital technology contributes to greater transparency, accountability, and governance efficiency, while challenges remain regarding the digital divide, unequal access, data security risks, and institutional inconsistency. Based on these insights, the article proposes a set of solutions to improve the legal framework, strengthen digital capacity, and empower citizens as active agents in building a democratic, transparent, and effective digital government.

Keywords: *digital technology, citizens, state governance, two-tier local government.*

Ứng dụng công nghệ số để thúc đẩy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

Tóm tắt

Ứng dụng công nghệ số đơn vị trở quan trọng trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân. Trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công nghệ số giúp công dân mở rộng kênh tiếp cận thông tin, tham gia ý kiến, giám sát và phản ánh chính sách một cách chủ động hơn. Bài báo phân tích cơ sở pháp lý của quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân, mối quan hệ giữa công nghệ số và việc thực hiện quyền này, đồng thời đánh giá thực tiễn triển khai tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy công nghệ số góp phần tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị, song vẫn tồn tại hạn chế như khoảng cách số, bất bình đẳng trong tiếp cận, rủi ro về dữ liệu và sự thiếu đồng bộ trong thể chế pháp lý. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, phát triển năng lực số và phát huy vai trò chủ thể của công dân trong xây dựng chính quyền số dân chủ, minh bạch và hiệu quả.

Từ khóa: công nghệ số, công dân, quản lý nhà nước, chính quyền địa phương hai cấp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu xây dựng nền quản trị hiện đại, việc bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân ngày càng trở nên vấn đề cấp thiết. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định quyền này là một quyền hiến định, sau đó được cụ thể hoá trong các văn bản như: Luật Thực hiện dân chủ cơ sở, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tiếp cận thông tin... Các quy định này đã tạo nền tảng pháp lý cho công dân tham gia vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát hoạt động quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương hai cấp sau khi sáp nhập đơn vị hành chính đã bộc lộ nhiều thách thức trong việc đảm bảo quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân như: quy mô quản lý mở rộng, sự phân tán, khả năng tiếp cận và tham gia của công dân còn hạn chế. Việc gia tăng về quy mô dân số, sự đa dạng về nhu cầu, lợi ích và khoảng cách địa lý giữa người dân với trung tâm hành chính khiến cho các hình thức tham gia truyền thống khó bảo đảm hiệu quả. Việc sáp nhập cũng dẫn đến nguy cơ giảm tính gắn kết cộng đồng, hạn chế cơ hội đề nghị trực tiếp tiếp xúc, phản ánh với chính quyền cơ sở từ đó làm suy giảm tính kịp thời và thực chất của quyền tham gia quản lý nhà nước. Trong bối cảnh đó, ứng dụng công nghệ số được coi là giải pháp trọng tâm nhằm mở rộng kênh tương tác, tạo điều kiện để công dân tiếp cận thông tin, tham gia ý kiến và giám sát hoạt động công quyền một cách hiệu quả, vượt qua những rào cản về không gian, thời gian và khoảng cách hành chính.

Chính vì vậy, bài viết hướng đến mục tiêu phân tích vai trò của công nghệ số trong việc thúc đẩy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực số. Qua đây cũng bổ sung cách tiếp cận về mối quan hệ giữa công nghệ số và quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân; đồng thời góp phần cung cấp căn cứ khoa học cho chính sách dân chủ cơ sở và quản trị minh bạch.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ

2.1. Quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân

Quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân là một trong những quyền chính trị cơ bản được ghi nhận xuyên suốt trong tất cả các bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay, phản ánh nguyên tắc hiến định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”. Quyền này có thể được thực hiện trực tiếp thông qua trưng cầu ý dân, góp ý xây dựng chính sách, phản biện xã hội, hoặc gián tiếp thông qua bầu cử, ứng cử, thông qua đại biểu dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội.

33 Về mặt lý luận, 4 quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân có cơ sở trong học thuyết chủ quyền nhân dân (khẳng định mọi quyền lực chính trị đều bắt nguồn từ nhân dân¹), học thuyết dân chủ (công dân tham gia trực tiếp hoặc thông qua đại diện)², và học thuyết pháp quyền (quyền lực nhà nước phải chịu sự kiểm soát của nhân dân thông qua pháp luật)³. Trong khoa học quản trị công hiện đại, 26 cận New Public Governance cũng nhấn mạnh sự tham gia của công dân như một nhân tố trung tâm để nâng cao hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước⁴.

11 Ở Việt Nam, tư tưởng “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề 16 là sự cụ thể hóa sâu sắc quyền tham gia quản lý nhà nước của nhân dân, coi nhân dân vừa là chủ thể 16 vừa là động lực của công cuộc xây dựng và 61 o vệ Tổ quốc⁵. Do đó, quyền này không chỉ khẳng định bản chất dân chủ của chế độ chính trị mà còn 48 ộng cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ, giám sát quyền lực nhà nước, góp phần củng cố niềm tin xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

Bên cạnh nền tảng lý luận, 2 quyền tham gia qu 6 lý nhà nước của công dân ở Việt Nam còn được 1 khẳng định rõ trong các văn bản pháp lý hiện hành. Hiến pháp năm 2013 quy định “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận 38 iên nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước” (Điều 28), đồng thời xác định nguyên tắc tất cả quyền 46 nhà nước thuộc về nhân dân (Điều 2). Các đạo luật chuyên ngành cũng đã cụ thể hóa qu 200 này, như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu 39 ội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi năm 2025 (quyền bầu cử, ứng 191 giám sát hoạt động của đại biểu); Lu 75 ật trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, sửa đổi năm 2025 (quyền tham gia xây dựng Đảng, 14 chính quyền, phản biện xã hội); Luật 182 hành văn bản quy phạm pháp luật nă 135 25, (quyền góp ý về chính sách, dự thảo văn bản 15 áp luật); Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (quyền yêu cầu, 133 thác thông tin của cơ quan n 3 nước); Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 119, sửa đổi năm 2025 (quyền được cung cấp thông tin, tham gia ý kiến, kiểm tra, giá 19 sát). Như vậy, hệ thống pháp luật hiện hành đã tạo 184 một hành lang pháp lý khá toàn diện, bảo đảm để công dân thực thi quyền tham gia quản lý nhà nước ca ở cấp trung ương và địa phương.

2.2. Công nghệ số và mối quan hệ 5 với quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong chính quyền địa phương hai cấp

2.2.1. 43 Khái niệm công nghệ số

Khái niệm c 3 g nghệ số được quy định trong Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, tại khoản 1, Điều 3 như sau: “Công nghệ số là tập hợp các phương pháp khoa học, quy trình công nghệ, công cụ kỹ th 78 để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số và số hóa thế giới thực”. Ngoài ra, theo Tổ chức Hợp tác 20 hát triển kinh tế (OECD), công nghệ số không chỉ b 74 ảm các công cụ hay phần mềm, mà còn là việc khai thác dữ liệu và công nghệ để tạo ra giá trị công và tăng cường sự tham gia của người dân vào quản trị nhà nước⁶. Trong Báo cáo E-Gove 44 ment Survey 2022, Liên Hợp Quốc 15 ần mạnh mẽ rằng công nghệ số là “hạ tầng mới của thế kỷ XXI”, giúp công dân tiếp cận thông tin, tham gia hoạch định chính sách và giám sát hoạt động của chính phủ, qua đó củng cố nền quản trị hướng tới người dân⁷.

166 Như vậy, trong khuôn khổ bài viết này, công n 111 g nghệ số được hiểu là tập hợp các phương tiện kỹ thuật và nền tảng số (internet, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, ứng dụng di động, nền tảng mạng xã hội...) được sử dụng để hỗ trợ công dân trong việc tiếp cận, tham gia và giám sát hoạt động quản lý nhà nước.

2.2.2. 125 Đặc điểm của công nghệ số

Công nghệ số có những đặc điểm nổi bật làm gia tăng khả năng 50 tham gia quản lý nhà nước của công dân.

Thứ 174 ất, tính phi biên giới và thời gian thực: công dân có thể tiếp cận thông tin, gửi phản ánh hay kiến nghị bất cứ lúc nào, bất kể không gian địa lý. Điều này rút ngắn chu kỳ phản hồi, tăng tính kịp thời và hiệu quả trong tham gia.

Thứ hai, tính kết nối và chia sẻ dữ liệu: các nền tảng số cho phép tập hợp, phân tích và lan tỏa ý kiến 49 của công dân một cách nhanh chóng, rộng rãi. Nhờ đó, tiếng nói công dân được lan tỏa và có trọng lượng hơn.

Thứ ba, tính 116 nh bạch và khả năng lưu vết: mọi tương tác đều được ghi nh 13, từ đó giúp công dân có cơ sở theo dõi trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Đây là nền tảng quan trọng để công dân kiểm soát quyền lực công.

Thứ tư, tính mở và khả năng tham gia của số đông: công nghệ số xóa bỏ nhiều rào cản truyền thống (chi phí gian, khoảng cách), tạo điều kiện để nhiều tầng lớp công dân cùng tham gia vào các quá trình quản lý nhà nước. Điều này làm phong phú nguồn ý chí cộng đồng và củng cố tính dân chủ.

Chính các đặc điểm này khiến công nghệ trở thành công cụ nền tảng, không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, quan trọng hơn là mở rộng năng lực thực hiện quyền làm chủ của công dân. Điều này gắn trực tiếp với phương châm “đặt người dân, dân bản, dân làm, dân kiểm tra”, biến công nghệ số thành công cụ nền tảng để mở rộng và bảo đảm quyền làm chủ của công dân trong quản lý nhà nước.

2.2.3. Mối quan hệ giữa công nghệ số, quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân và chính quyền địa phương hai cấp

Mối quan hệ giữa công nghệ số, quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân và mô hình chính quyền địa phương hai cấp tạo nên mô hình chính thể gắn kết, trong đó công nghệ số là phương tiện, quyền tham gia của công dân là mục tiêu, còn chính quyền địa phương hai cấp là không gian thể chế để hiện thực hóa mối quan hệ này. Quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân có ý nghĩa thực chất khi công dân có điều kiện tiếp cận thông tin, tham gia đối thoại chính sách và giám sát quyền lực nhà nước. Công nghệ số là công cụ bảo đảm ba điều kiện này.

Ở góc độ lý luận, nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị công đã chỉ ra rằng công nghệ số là trụ cột của “chính phủ mở” (open government), trong đó công dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn trở thành chủ thể tham gia tích cực vào các quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Kinh nghiệm khẳng định công nghệ số là yếu tố thiết yếu để mở rộng sự tham gia, tăng cường tính minh bạch và củng cố lòng tin của công dân vào bộ máy nhà nước. Như vậy, có thể nói công nghệ số không chỉ mang giá trị kỹ thuật - công nghệ mà còn mang ý nghĩa dân chủ, bởi nó mở rộng khả năng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đòi hỏi góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương hai cấp trong giai đoạn đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước.

Trong tiến trình cải cách tổ chức chính quyền địa phương Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà đã hành nền tảng thể chế mới, gắn với việc bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân. Quan điểm này được thể hiện rõ trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về “thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”. Văn bản này khẳng định nguyên tắc “Một thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một quy vụ liên mạch”, lấy dữ liệu làm trung tâm, đảm bảo “dung - đủ - sống - thống nhất - dùng chung” trong toàn bộ quá trình quản trị nhà nước. Tinh thần của Kế hoạch cho thấy sự chuyển đổi số và cải cách tổ chức bộ máy, trong đó việc tinh gọn các cấp hành chính chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được hỗ trợ bởi hạ tầng số và hệ thống dữ liệu mở, giúp công dân dễ dàng thực hiện quyền tham gia, phản ánh và giám sát hoạt động công quyền thông qua môi trường điện tử. Đây chính là minh chứng cho tiếp cận hiện đại, coi chuyển đổi số là công cụ bảo đảm dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Xét từ góc nhìn công dân, công nghệ số có ba vai trò cơ bản gắn liền với đặc điểm của chính quyền hai cấp hiện nay:

Thứ nhất, chính quyền hai cấp có đặc điểm là phạm vi quản lý rộng hơn, trong khi số lượng đầu mối trung gian giảm đi. Điều này có nguy cơ tạo khoảng cách giữa cơ quan chính quyền và người dân, nếu không có cơ chế thông tin hiệu quả. Công nghệ số, với khả năng kết nối tức thời và không giới hạn về không gian, trở thành công cụ tất yếu để thu hẹp khoảng cách giúp người dân dù ở địa bàn xa trung tâm tỉnh vẫn có thể tiếp cận thông tin, gửi kiến nghị, phản ánh và tham gia vào quy trình quản lý.

Thứ hai, việc rút gọn cấp chính quyền đồng nghĩa với việc tăng cường tính tập trung trong quản lý, đòi hỏi các quyết định của cấp tỉnh phải được triển khai nhanh chóng và chính xác xuống tận cơ sở. Công nghệ số cho phép thiết lập hệ thống quản lý, giám sát và phản hồi theo thời gian thực, đảm bảo rằng ý chí, nguyện vọng của nhân dân ở cấp xã được phản ánh trực tiếp đến cấp tỉnh mà không qua tầng nấc trung gian. Qua đó, quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân không chỉ được bảo đảm về hình thức mà còn thực chất hơn.

Thứ ba, trong điều kiện sáp nhập đơn vị hành chính, quy mô dân cư của các xã/phường, cũng như của các tỉnh, đều gia tăng đáng kể. Điều này đặt ra thách thức về khối lượng thông tin và nhu cầu tham gia quản lý nhà nước. Công nghệ số, với các nền tảng dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), và các ứng dụng chính phủ điện tử, chính quyền số, có khả năng xử lý lượng thông tin khổng lồ, phân loại và phân tích

tự động. Nhờ đó, chính quyền có thể tiếp nhận, tổng hợp và phản hồi ý kiến của người dân một cách khoa học, minh bạch và kịp thời.

Thứ tư, công nghệ số còn giúp nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Trong bối cảnh chỉ có ai cấp chính quyền, công dân càng đòi hỏi sự rõ ràng trong việc ban hành và thực thi chính sách. Các công thông tin điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng di động của chính quyền địa phương... chính là kênh để công dân giám sát, đánh giá hoạt động của cơ quan nhà nước. Điều này góp phần củng cố niềm tin xã hội và tăng cường vai trò làm chủ của nhân dân.

Như vậy, trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp như hiện nay, công nghệ số khắc phục hạn chế về không gian, thời gian và nhân lực của bộ máy tinh gọn. Công dân ở vùng sâu, vùng xa có thể tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước mà không cần hiện diện trực tiếp, qua đó giảm thiểu bất bình đẳng trong tiếp cận chính sách. Hơn nữa, nền tảng số cho phép chính quyền cấp tỉnh và huyện trực tiếp tương tác hai chiều với người dân, đảm bảo quá trình hoạch định và thực thi chính sách luôn gắn bó chặt chẽ với thực tiễn đời sống. Còn hệ số không chỉ khắc phục những hạn chế do việc rút cấp chính quyền tạo ra, mà còn mở ra cơ hội để nâng cao chất lượng quản lý của công dân, từ mức độ cung cấp thông tin, tham vấn chính sách, đến đồng quản lý và giám sát xã hội. Đây chính là nền tảng quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu dân chủ hóa đời sống chính trị trong điều kiện tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hiện đại.

3. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

3.1. Những thành tựu đạt được

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong quá trình chuyển đổi số, gắn với cải cách hành chính và tăng cường quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân. Theo Báo cáo Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Việt Nam xếp thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022 và lần đầu tiên được xếp vào nhóm quốc gia có Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (DI) “rất cao”, đạt 0,7709 điểm, cao hơn mức trung bình toàn cầu (0,6106 điểm)⁸. Cả ba phần của chỉ số - dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI) - đều ghi nhận sự cải thiện đáng kể. Kết quả này phản ánh xu hướng số hóa toàn diện trong hoạt động quản trị công, đồng thời cho thấy nỗ lực cung ứng dịch vụ số của Việt Nam đã tiệm cận nhóm quốc gia có nền hành chính hiện đại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông cũng cho thấy các chỉ số thành phần của EGDI đều có bước tiến mạnh: chỉ số hạ tầng số tăng 7 bậc, nguồn nhân lực tăng 36 bậc, và dịch vụ công trực tuyến tăng 1 bậc. Đến năm 2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 45%, tăng 28 điểm phần trăm so với năm 2023; riêng khối bộ đạt 62,48%. Hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia tiếp tục mở rộng quy mô, liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư và nền tảng định danh điện tử VNeID, tạo điều kiện cho người dân thực hiện, theo dõi và nhận kết quả thủ tục hành chính hoàn toàn trong môi trường số⁹. Những tiến bộ này cho thấy nỗ lực của Việt Nam không chỉ hướng đến việc nâng hạng quốc tế, mà còn nhằm hiện thực hóa quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân thông qua chuyển đổi số ở cấp thực thi.

Sau khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp chính thức vận hành từ ngày 01/7/2024, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước tiếp tục được coi là nhiệm vụ trọng tâm để bảo đảm bộ máy hành chính tinh gọn vẫn duy trì hiệu lực và khả năng phục vụ người dân. Trên cơ sở Kế hoạch 132/KH-BCĐTW, nhiều địa phương đã chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch chuyển đổi số của mình để phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Tại Đà Nẵng, mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau hơn ba tháng vận hành đã cho thấy những bước tiến đáng kể trong việc số hóa thủ tục hành chính và nâng cao trải nghiệm người dân. Toàn thành phố hiện có 2.239 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền địa phương, trong đó 2.109 dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia - tương đương gần 94 %. Ở cấp xã, phường, đã tiếp nhận 182.661 hồ sơ, giải quyết được 173.056 hồ sơ, và có 171.190 hồ sơ thanh toán trực tuyến cấp sổ, bản, ngành, số hồ sơ tiếp nhận là 75.869, trong đó 75.725 hồ sơ được thanh toán trực tuyến. Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh cũng ghi nhận 49.305 hồ sơ tiếp nhận, 25.845 hồ sơ giải quyết, 8.297 hồ sơ xử lý trực tuyến. Ngoài ra, Đà Nẵng đã phê duyệt danh mục 1.160 thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, từ đó góp phần giảm ranh giới hành chính và tạo thuận tiện cho người dân trong tiếp cận dịch vụ¹⁰.

Tại Hà Nội, chỉ trong ba tháng đầu vận hành mô hình mới, tại điểm phục vụ hành chính công xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội đã tiếp nhận 3.374 hồ sơ, trong đó 3.244 hồ sơ đã được giải quyết, đạt tỷ lệ 95,8%,

và 3.198 hồ sơ được xử lý đúng hoặc trước hạn. Việc mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp thanh toán từ và xác thực định danh qua VNeID đã giúp giảm đáng kể thời gian, chi phí đi lại của người dân, đồng thời tăng tính minh bạch và khả năng giám sát trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính¹¹. Những kết quả này cho thấy Hà Nội đang trở thành địa phương đi đầu trong việc hiện thực hóa mô hình chính quyền điện tử gắn với chính quyền hai cấp, góp phần cụ thể hóa mục tiêu lấy người dân làm trung tâm của chuyển đổi số, đồng thời củng cố niềm tin của công dân vào tính hiệu quả, công khai và minh bạch của nền hành chính hiện đại.

TP. Cần Thơ đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong chính quyền hai cấp, với 100% sở, ngành và xã, phường xử lý hồ sơ trên môi trường số và nổi bật hệ thống cầu truyền hình. TP. Cần Thơ phổ triển khai AI, IoT, cảm biến mực nước, và robot phân loại rác để nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế số vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030. Cùng với đó, TP. Cần Thơ chú trọng đào tạo cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số, tạo nền tảng cho đô thị thông minh, năng động và thân thiện¹².

Dựa trên Báo cáo số 207/BC-BKHCN ngày 05/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về tóm tắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, có thể nhận thấy Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ số phục vụ quản lý nhà nước và phát triển hạ tầng số quốc gia. Tính đến tháng 8/2025, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công được giải quyết trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ hành chính đạt 39,71%, trong đó có tới 73,85% hồ sơ được xử lý đúng hoặc trước hạn. Việc triển khai đồng bộ 25 dịch vụ công thiết yếu hoàn toàn trực tuyến từ ngày 1/10/2025 đã đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ sang mô hình quản trị số, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và giảm đáng kể gánh nặng thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Cùng với đó, việc đưa vào hoạt động Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1 ngày 18/8/2025 - công trình có quy mô hơn 28ha, được đánh giá là hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á - đã tạo nền tảng hạ tầng số vững chắc, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và xử lý dữ liệu thống nhất trên phạm vi toàn quốc¹³.

Những thành tựu này không chỉ thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia, mà còn minh chứng đáng kể khả năng tham gia của công dân vào hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp bắt đầu được thực hiện từ ngày 1/7/2025.

3.2. Những hạn chế còn tồn tại trong ứng dụng công nghệ số nhằm phát huy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân

Mặc dù tiến trình chuyển đổi số quốc gia đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại những yếu tố cản trở phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quản lý nhà nước. Dù hạ tầng kỹ thuật và một số chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến đã được cải thiện đáng kể, các số liệu cho thấy vẫn còn nhiều “nút thắt” kỹ thuật liên quan đến dữ liệu, quy trình và cơ chế thực thi, khiến cho độ tham gia chủ động của công dân trên nền tảng số chưa tương xứng với tiềm năng của hệ thống. Trên cơ sở phân tích Báo cáo số 207/BC-BKHCN ngày 05/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có thể nhận diện một số vấn đề nổi bật đang ảnh hưởng đến hiệu quả của tiến trình này như sau:

Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công được giải quyết trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ hành chính mới chỉ đạt 39,71% là mức 60% hồ sơ vẫn phải qua các bước không trực tuyến - điều này giới hạn phạm vi tương tác, phản hồi và tham gia của công dân thông qua kênh số. Mức độ số hóa kết quả và khả năng tái sử dụng bản điện tử dù đã có tiến bộ (tỷ lệ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý: 52,72% ở bộ/ngành và 68,13% ở địa phương), nhưng tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin từ hồ sơ số hóa vẫn rất thấp: chỉ 4,18% ở bộ/ngành và 40,71% ở địa phương. Việc dữ liệu không được tái sử dụng rộng rãi cho thấy hệ thống chưa tạo được luồng dữ liệu liên tục phục vụ tương tác công dân (ví dụ: truy vấn trạng thái hồ sơ, mời lấy ý kiến, phản ánh, giám sát quyết định), do đó hạn chế tính liên tục và hiệu quả của quyền tham gia qua nền tảng số.

Về tiến độ xử lý hồ sơ hành chính, Báo cáo số 54/BC-BKHCN cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước. Cụ thể, tỷ lệ hồ sơ được xử lý đúng hoặc trước hạn tại cấp địa phương đạt khoảng 73,85% trên tổng số hồ sơ đã được đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong khi ở khối bộ, ngành trung ương con số này chỉ đạt 2,16%. Sự khác biệt lớn này phản ánh tình trạng phân mảnh trong quản lý dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và cơ chế phối hợp liên ngành. Nói cách khác, tỷ lệ hoàn thành hồ sơ cao ở địa phương chủ yếu thể hiện hiệu quả nội bộ của từng đơn vị hành chính, chứ chưa phản ánh đầy đủ chất lượng và tính thông suốt của kênh tương tác giữa Nhà nước với công dân. Việc thiếu liên thông và chuẩn hóa dữ liệu giữa các cấp, các ngành không chỉ gây khó khăn cho việc theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, mà còn làm giảm khả năng người dân tiếp cận, kiểm chứng và tham gia giám

sát **quá trình** ra quyết định hành chính - một yếu tố cốt lõi để **đảm bảo quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong** môi trường số.

Về hạ tầng số, các chỉ tiêu tổng thể của quốc gia đạt mức tương đối cao, thể hiện tỷ lệ 99,8% dân số được phủ sóng 4G, 86,6% hộ gia đình sử dụng internet, và sự hiện diện của trung tâm dữ liệu thương mại với tổng công suất thiết kế 221 MW. Tuy nhiên, những con số này chủ yếu phản ánh năng lực kỹ thuật ở cấp vĩ mô, trong khi bất cân xứng về chất lượng dịch vụ, năng lực vận hành trung tâm dữ liệu, hay năng lực quản trị dữ liệu tại cấp cơ sở (xã, phường) vẫn là "điểm nghẽn cuối cùng" trong quá trình chuyển đổi số của người dân. Nói cách khác, việc có hạ tầng phủ sóng rộng chưa đồng nghĩa với trải nghiệm dịch vụ công thực sự thuận tiện, an toàn và minh bạch cho mọi công dân ở mọi địa bàn.

Ben cạnh đó, Báo cáo cũng chỉ ra nhiều hạn chế trong chuyển đổi thủ tục hành chính và liên thông cơ sở dữ liệu, khi không ít quy trình nghiệp vụ, nhiệm vụ số hóa hoặc chia sẻ dữ liệu chuyên ngành vẫn chưa hoàn thành. Năng lực nhân sự và năng lực tài chính hạn chế cũng là nguyên nhân cản trở việc vận hành thống nhất các nền tảng số. Tất cả những yếu tố này làm cho quá trình tương tác hai chiều giữa Nhà nước và công dân qua môi trường số chưa thật sự rộng rãi và bền vững, qua đó hạn chế tính thực chất của quyền tham gia quản lý nhà nước và công dân trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình chính quyền hai cấp. Những hạn chế cho thấy, để quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân được hiện thực hóa trong môi trường số, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp từ thể chế đến năng lực chủ thể.

4. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ SỐ NHẪM THÚC ĐẨY QUYỀN THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG DÂN TRONG TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN HAI CẤP

Trong bối cảnh 68 tổ chức lại mô hình chính quyền theo hai cấp như hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ hành chính, mà còn là phương tiện pháp lý - kỹ thuật để hiện thực hóa quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân. Từ những cơ sở pháp lý và thực trạng đã phân tích trong bài, tác giả đề xuất một số định hướng và giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Hoàn thiện thể chế pháp lý về quyền của công dân trong môi trường số

Quá trình chuyển đổi số quốc gia đang bước vào giai đoạn thực thi sâu rộng, vì vậy thể chế pháp lý giữ vai trò trung tâm trong việc tạo hành lang cho công dân tham gia **quản lý nhà nước** thông qua **môi trường số**. Việt Nam đã ban hành **một số văn bản** nền tảng quan trọng như **Luật Giao dịch điện tử năm 2023** (có hiệu lực từ 01/7/2024), **Luật Dữ liệu năm 2024** (hiệu lực từ 01/7/2025), **Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025** (có hiệu lực từ 01/01/2026) và **Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025** (có hiệu lực từ 16/6/2025). Các văn bản này tạo cơ sở pháp lý cho việc trao đổi, chia sẻ dữ liệu và tổ chức bộ máy hành chính thích ứng với môi trường số. Tuy nhiên, nếu xét dưới góc độ bao đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân, **thống pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu các quy định** mang tính bắt buộc, cụ thể hóa trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thiết lập và duy trì các cơ chế tham vấn, đối thoại và phản hồi trực tuyến hai chiều giữa Nhà nước và công dân.

Lu 4 Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 mới chủ yếu xác định mô hình tổ chức, phân cấp và phân quyền giữa các cấp chính quyền mà chủ yếu **12** quy định pháp lý bắt buộc chính quyền địa phương phải thiết lập và duy trì nề **4** tầng trực tuyến dành cho người dân tham gia quản lý nhà nước, **42** gồm việc gửi ý kiến, phản ánh hoặc **góp ý đối với các quyết định hành chính** và chính sách địa phương. Điều này dẫn **tới tình trạng nhiều địa phương** chỉ triển **khai** các công dịch vụ công mang tính kỹ thuật, trong khi cơ chế tương tác phân biện, tham vấn công dân vẫn mang tính tự nguyện, thiếu chế tài kiểm soát hoặc đánh giá trách nhiệm giải trình.

Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Dữ liệu năm 2024 đã xác lập giá trị pháp lý của giao dịch điện tử, song chưa quy định quy trình lấy ý kiến công dân điện tử (e-consultation) trong hoạt động quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 vẫn chủ yếu quy định việc tham vấn nhân dân dưới hình thức trực tiếp hoặc văn bản giấy, chưa xác định tiêu chuẩn kỹ thuật, giá trị pháp lý và cơ chế phản hồi đối với ý kiến được gửi qua nền tảng số. Do đó, ý kiến công dân trên môi trường điện tử hiện chưa được xem là một hình thức tham gia hợp pháp có giá trị bắt buộc phải tiếp thu hoặc phản hồi.

Luật Dữ liệu năm 2024 đã tạo nền tảng pháp lý cho việc quản lý, chia sẻ và mở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trong đó quy định trách nhiệm công khai danh mục dữ liệu mở nhằm phục vụ lợi ích công cộng. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn gặp nhiều hạn chế do chưa có bộ quy chuẩn dữ liệu mở thống nhất giữa các cấp chính quyền, đặc biệt là giữa cấp tỉnh và cấp xã. Sự thiếu thống nhất này dẫn tới tình trạng phân mảnh trong cấu trúc dữ liệu, tiêu chuẩn mã tử dữ liệu (metadata) và cơ chế đồng bộ thông tin.

100 khiến việc tích hợp, khai thác và tái sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát xã hội của 7ng dân 171 gặp nhiều khó khăn. Báo cáo của Cục Chuyển 10 số quốc gia cũng cho thấy hạ tầng dữ liệu tại nhiều địa phương chưa đồng bộ, gây trở ngại cho việc kết nối và chia sẻ thông tin phục vụ quản trị số ở cấp cơ sở¹⁴.

39 Luật Bảo vệ dữ liệu 156 năm 2025 đã chính thức 52 quy định quyền của chủ thể dữ liệu bao gồm xem, 110 sửa, yêu cầu xóa và yêu cầu cung cấp dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, vì luật này chỉ có hiệu lực bắt đầu từ ngày 01/0 30 2026 nên đến nay chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết thay thế Nghị định 13/2023/NĐ-CP về cách thức thực hiện các quyền này trong khuôn khổ hệ thống hành chính công (ví dụ: quy trình xử lý yêu cầu, xác thực danh tính, lưu trữ phản hồi). Việc thiếu hướng dẫn cụ thể này gây ra khoảng t 138 thực thi, ảnh hưởng đến niềm tin số (digital trust) của công dân - khi họ chưa chắc chắn rằng ý kiến hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân mà họ gửi sẽ được xử lý đầy đủ và công khai trong các hệ thống chính quyền số.

1 Vì vậy, để hoàn thiện thể chế pháp lý bảo đảm quyền tham gia của công dân trong môi trường số, cần thiết phải:

1. Bổ sung quy định 151 g Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về trách nhiệm bắt buộc của chính quyền hai cấp 7 trong việc thiết lập, vận hành và duy trì nền tảng trực tuyến phục vụ việc người dân góp ý, phản ánh và tham gia vào quá trình ra quyết định hành chính, chính sách địa phương.

192 2. Ban hành nghị định hướng dẫn quy trình lấy ý kiến công dân điện tử (e-consultation), xác định rõ 133 rí pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật của ý kiến tham vấn trực tuyến, và cơ chế công khai kết quả phản hồi của cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng Bộ Quy chuẩn dữ liệu mở thống nhất giữa hai cấp chính quyền, bao gồm chuẩn định dạng, mô tả dữ 4u (metadata) và quy trình đồng bộ hóa, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận, khai thác và giám sát dữ liệu công của công dân.

4. Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, quy định rõ quy trình để công dân thực hiện quyền xem, chỉnh sửa, xóa hoặc ph 183 i dữ liệu cá nhân trong các hệ thống hành chính công, qua đó củng cố niềm tin số (digital trust) trong tương tác giữa nhà nước và người dân.

45 Việc hoàn thiện thể chế pháp lý không chỉ giúp nâng c 73 tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương, mà còn tạo môi tr 83 g pháp lý thuận lợi để công dân thực hiện quyền tham 158 quản lý nhà nước bằng phương thức số hóa, p 23 ợp với định hướng của Chính phủ về “chuyển đổi số lay người dân làm trung tâm” trong Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020).

4.2. Tăng cường năng lực hạ tầng và nền tảng công nghệ nhằm mở rộng quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân 19

194 Một trong những điều kiện tiên qu 185 để bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong bối cảnh ch 150 đổi số là năng lực hạ tầng và nền tảng công nghệ. Thực tiễn cho thấy, sự chênh lệch về mức độ đầu tư hạ tầng số gi 54 ác địa phương, đặc biệt giữa khu 51 đô thị và miền núi, đã tạo ra khoảng cách số (digital divide), khiến người dân ở vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận và tham gia vào các hoạt động hành chính công trên môi trường mạng. Do đó, cần có chiến lược đầu 59 đồng bộ vào hạ tầng số, bao gồm hệ thống m 141 ạch dẫn, trung tâm dữ liệu (data center), nền tảng định danh điện tử và các công thông tin tích hợp, bảo đảm cho mọi công dân đều có điều kiện tiếp cận bình đẳng với các kênh tham gia trực tuyến của chính quyền hai cấp.

153 Song song với đó, việc phát triển các ứng 154 g thân thiện, đa ngôn ngữ, dễ sử dụng và có khả năng tương tác hai chiều 95 a chính quyền - công dân sẽ góp phần nâng cao tính hiệu quả và bao trùm trong quản trị số. Đặc biệt, các chính quyền địa phương cần phối hợp với doanh nghiệp công nghệ để thử nghiệm, vận hành và duy trì các nền tảng 31 ộng tác công dân (citizen engagement platforms) có khả năng phản hồi nhanh, qua đó tạo môi trường khuyến khích người dân chủ động tham gia vào quá trình ra quyết định hành chính.

4.3. Phát triển năng lực số, bảo đảm an ninh dữ liệu và củng cố niềm tin số của công dân 1

Nếu hạ tầng là điều kiện vật chất, thì năng lực số và niềm tin số (digital trust) chính là yếu tố tinh thần quyết định mức độ tham gia thực chất của công dân trong môi trường quản trị điện tử. Hiện nay, nhiều người dân vẫn còn hạn chế trong kỹ năng số, khả năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến hoặc nhận diện rủi

ro bảo mật thông tin cá nhân. Để khắc phục tình trạng này, cần đẩy mạnh các chương trình phổ cập kỹ năng số cộng đồng, đặc biệt hướng đến nhóm yếu thế như người cao tuổi, phụ nữ nông thôn, học sinh - sinh viên.

Cùng với đó, chính quyền địa cấp cần hình thành cơ chế khuyến khích “văn hóa tham gia số” (digital participation culture), trong đó người dân được khuyến khích đóng góp ý kiến, phản biện và giám sát chính sách một cách chủ động, có trách nhiệm. Mặt khác, việc đảm bảo an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và minh bạch hóa quy trình xử lý phản hồi là nền tảng của niềm tin số. Chính quyền địa phương cần tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, đồng thời thiết lập cơ chế giải trình số (digital accountability) cho phép công dân kiểm tra, cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu của mình trên các hệ thống hành chính công. Khi công dân cảm thấy dữ liệu của mình được tôn trọng và bảo vệ, họ sẽ sẵn sàng tham gia, tương tác và chia sẻ thông tin một cách tích cực, qua đó củng cố tính dân chủ và minh bạch của chính quyền số.

4.4. Phát huy nguồn lực xã hội và vai trò công dân trong thực thi quyền tham gia quản lý nhà nước trong môi trường số

Bên cạnh những giải pháp từ phía Nhà nước, việc bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong môi trường số chỉ có thể bền vững xuất phát từ sự chủ động của chính công dân và các chủ thể xã hội. Mỗi cá nhân cần nhận thức rõ rằng tham gia quản lý nhà nước không chỉ là quyền được hiến định, mà còn là nghĩa vụ công dân trong Nhà nước pháp quyền. Việc tích cực tìm hiểu chính sách, tham gia góp ý, giám sát và phản biện trên các nền tảng số thể hiện tinh thần công dân có trách nhiệm, đồng thời giúp tăng tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động công quyền.

Tiếp theo, cần phát huy năng lực số và văn hóa công dân số như một yêu cầu tự nhiên của xã hội hiện đại. Công dân cần chủ động trau dồi kỹ năng công nghệ, khả năng phân tích, lọc thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và rèn luyện tinh thần phản biện có văn hóa, mang tính xây dựng. Tổ chức xã hội, đoàn thể, cơ sở giáo dục và truyền thông đại chúng có đóng vai trò dẫn dắt, hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, trong việc phổ cập tri thức số và xây dựng môi trường tham gia trực tuyến tích cực, minh bạch và tôn trọng lẫn nhau.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư thông qua những kênh trung gian phản biện và giám sát chính sách độc lập. Các tổ chức này có khả năng tập hợp ý kiến của người dân, đại diện cho lợi ích nhóm yếu thế và phản ánh thực tiễn từ cơ sở tới cơ quan công quyền, góp phần làm cho tiếng nói của công dân trở nên có trọng lượng và được lắng nghe hiệu quả hơn.

Cuối cùng, cần củng cố niềm tin số và xây dựng quan hệ hợp tác ba chiều giữa Nhà nước - công dân - xã hội nhằm bảo đảm tính bền vững của việc tham gia quản lý nhà nước. Niềm tin không chỉ đến từ cơ chế minh bạch của Nhà nước, mà còn được vun đắp bởi văn hóa đối thoại, tôn trọng và trách nhiệm từ phía công dân và xã hội khi tham gia không gian công trực tuyến. Khi người dân chuyển từ vị thế “người thụ hưởng” sang “chủ thể kiến tạo chính sách”, xã hội sẽ từng bước hình thành hình quản trị mở, dân chủ và hiệu quả, qua đó hiện thực hóa đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. KẾT LUẬN

Bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân là yêu cầu cốt lõi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số và chức năng chính quyền địa phương hai cấp, quyền này được mở rộng về phạm vi, phương thức và nội dung, tạo điều kiện để công dân tham gia sâu hơn vào hoạt động quản trị công thông qua các nền tảng số. Tuy nhiên, sự tham gia đó chỉ thực chất khi có sự đồng bộ giữa thể chế pháp lý, năng lực số và văn hóa công dân số.

Công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là động lực thúc đẩy dân chủ hóa đời sống công, giúp Nhà nước mở rộng kênh tương tác, tiếp nhận và phản hồi ý kiến người dân một cách nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả hơn. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và chính quyền điện tử đã và đang tạo tiền đề để công dân trở thành chủ thể tham gia tích cực trong quá trình hoạch định và giám sát chính sách.

Để quyền tham gia của công dân được hiện thực hóa trong môi trường số, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, công dân và xã hội. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo - bảo đảm thể chế, hạ tầng và an ninh dữ liệu; còn công dân và các tổ chức xã hội phải chủ động nâng cao năng lực, phát huy tinh thần phản biện và giám sát chính sách một cách có trách nhiệm. Khi ba chủ thể cùng hợp tác trên nền tảng công nghệ số

³⁰ tinh thần minh bạch và tôn trọng lẫn nhau, một mô hình quản ⁶² mở và đồng kiến tạo sẽ hình thành, góp phần hiện thực hóa quyền làm chủ của Nhân dân và thúc đẩy **nen hành chính hiện đại, hiệu quả** trong kỷ nguyên **số**.

47%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	www.slideshare.net Internet	250 words — 3%
2	tailieu.vn Internet	239 words — 3%
3	thuvienphapluat.vn Internet	141 words — 2%
4	npa.vn Internet	100 words — 1%
5	tapchikhxh.vass.gov.vn Internet	84 words — 1%
6	tcnn.vn Internet	77 words — 1%
7	123docz.net Internet	72 words — 1%
8	luatvietnam.vn Internet	70 words — 1%
9	Ho Chi Minh National Academy of Politics Publications	68 words — 1%
10	kientrucvietnam.org.vn Internet	67 words — 1%

11	Internet	63 words — 1 %
12	tapchicongthuong.vn Internet	63 words — 1 %
13	Ton Duc Thang University Publications	57 words — 1 %
14	songv.langson.gov.vn Internet	57 words — 1 %
15	tuvanphapluatdanang.com Internet	56 words — 1 %
16	nslide.com Internet	44 words — 1 %
17	www.viup.vn Internet	44 words — 1 %
18	phapluat.tuoitrethudo.vn Internet	43 words — 1 %
19	duthaoonline.quochoi.vn Internet	42 words — < 1 %
20	huggingface.co Internet	40 words — < 1 %
21	vanbanphapluat.co Internet	38 words — < 1 %
22	moha.gov.vn Internet	36 words — < 1 %
23	phaply.net.vn Internet	36 words — < 1 %

24	Internet	36 words — < 1 %
25	doanhnghiepvathuongmai.vn Internet	35 words — < 1 %
26	lapphap.vn Internet	32 words — < 1 %
27	luanvan.co Internet	30 words — < 1 %
28	thukyluat.vn Internet	30 words — < 1 %
29	moj.gov.vn Internet	29 words — < 1 %
30	nhandan.org.vn Internet	29 words — < 1 %
31	www.researchgate.net Internet	29 words — < 1 %
32	vi.m.wikipedia.org Internet	26 words — < 1 %
33	vienkhpl.ac.vn Internet	26 words — < 1 %
34	Vietnam National University of Forestry Publications	23 words — < 1 %
35	tintuc.thuvienphapluat.com Internet	23 words — < 1 %
36	baodaknong.org.vn Internet	22 words — < 1 %

37	Internet	22 words — < 1 %
38	lib.hul.edu.vn Internet	22 words — < 1 %
39	nxbctqg.org.vn Internet	22 words — < 1 %
40	vietbao.vn Internet	21 words — < 1 %
41	dantri.com.vn Internet	20 words — < 1 %
42	hcma.vn Internet	20 words — < 1 %
43	text.xemtailieu.net Internet	20 words — < 1 %
44	www.123tailieufree.com Internet	20 words — < 1 %
45	marlowepub.com Internet	19 words — < 1 %
46	donghanhviet.vn Internet	18 words — < 1 %
47	fess.vn Internet	18 words — < 1 %
48	papi.org.vn Internet	18 words — < 1 %
49	stp.thanhhoa.gov.vn Internet	18 words — < 1 %

text.123docz.net

50	Internet	18 words — < 1 %
51	www.tailieudaihoc.com Internet	18 words — < 1 %
52	aita.gov.vn Internet	17 words — < 1 %
53	daihoctantrao.edu.vn Internet	17 words — < 1 %
54	kontum.gov.vn Internet	17 words — < 1 %
55	nhandan.com.vn Internet	17 words — < 1 %
56	ussh.vnu.edu.vn Internet	17 words — < 1 %
57	www.viet-studies.net Internet	17 words — < 1 %
58	VNUA Publications	16 words — < 1 %
59	documents1.worldbank.org Internet	16 words — < 1 %
60	guland.vn Internet	16 words — < 1 %
61	lyluanchinhtri.vn Internet	16 words — < 1 %
62	philarchive.org Internet	16 words — < 1 %

63	Internet	16 words — < 1 %
64	cndvietnam.org.vn Internet	15 words — < 1 %
65	www.daihocluathn.edu.vn Internet	15 words — < 1 %
66	Pham T.T., Moeliono M., Nguyen T.H., Nguyen H.T., Vu T.H.. "Boi canh REDD+ Viet Nam: Nguyên nhân, doi tuong và the che", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2012 Crossref	14 words — < 1 %
67	ninhthuantv.vn Internet	14 words — < 1 %
68	phunucuocsong.vn Internet	14 words — < 1 %
69	sites.google.com Internet	14 words — < 1 %
70	tennguoidepnhat.net Internet	14 words — < 1 %
71	www.diariolacalle.net Internet	14 words — < 1 %
72	baochinhphu.vn Internet	13 words — < 1 %
73	haiphong.gov.vn Internet	13 words — < 1 %
74	hanoimoi.com.vn Internet	13 words — < 1 %

75	Internet	13 words — < 1 %
76	m.vietnamnet.vn Internet	13 words — < 1 %
77	mattran.org.vn Internet	13 words — < 1 %
78	tbdn.com.vn Internet	13 words — < 1 %
79	tko.edu.vn Internet	13 words — < 1 %
80	vienan.vn Internet	13 words — < 1 %
81	vnsite.biz Internet	13 words — < 1 %
82	www.pld.net.vn Internet	13 words — < 1 %
83	baodautu.vn Internet	12 words — < 1 %
84	cng-cdn.oxfam.org Internet	12 words — < 1 %
85	cskh.cpc.vn Internet	12 words — < 1 %
86	hatinhcity.gov.vn Internet	12 words — < 1 %
87	hethongphapluat.com Internet	12 words — < 1 %

88	Internet	12 words — < 1 %
89	sotttt.baria-vungtau.gov.vn Internet	12 words — < 1 %
90	tayho.gov.vn Internet	12 words — < 1 %
91	tct.quangbinh.gov.vn Internet	12 words — < 1 %
92	thuvien.hce.edu.vn:8080 Internet	12 words — < 1 %
93	www.tuoitrephuyen.vn Internet	12 words — < 1 %
94	baomoi.com Internet	11 words — < 1 %
95	buutung.blogspot.com Internet	11 words — < 1 %
96	congdongviet.de Internet	11 words — < 1 %
97	congly.com.vn Internet	11 words — < 1 %
98	dbnd.quangbinh.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
99	doan.edu.vn Internet	11 words — < 1 %
100	lawnet.vn Internet	11 words — < 1 %

nhuthanh.thanhhoa.gov.vn

101	Internet	11 words — < 1 %
102	phimsomot.com Internet	11 words — < 1 %
103	storage-vnportal.vnpt.vn Internet	11 words — < 1 %
104	tapchitaichinh.vn Internet	11 words — < 1 %
105	tapchitoaan.vn Internet	11 words — < 1 %
106	tigifood.com Internet	11 words — < 1 %
107	vccinews.vn Internet	11 words — < 1 %
108	vietnamnet.vn Internet	11 words — < 1 %
109	www.giri.ac.vn Internet	11 words — < 1 %
110	www.tapchicongthuong.vn Internet	11 words — < 1 %
111	(11-9-12) http://220.231.117.26/Default.aspx? MaTin=1354 Internet	10 words — < 1 %
112	23winf.com Internet	10 words — < 1 %
113		10 words — < 1 %

coquantiepnhanhosocongbohopquythucanchannuoi.wordpress.com

114	diendandautu.vn Internet	10 words — < 1 %
115	dulieuphapply.vn Internet	10 words — < 1 %
116	huunguyenddk.blogspot.com Internet	10 words — < 1 %
117	ictnews.vietnamnet.vn Internet	10 words — < 1 %
118	infonet.vietnamnet.vn Internet	10 words — < 1 %
119	toc.123docz.net Internet	10 words — < 1 %
120	truyenhinhthanhhoa.vn Internet	10 words — < 1 %
121	vnn.vietnamnet.vn Internet	10 words — < 1 %
122	www.baoyenbai.com.vn Internet	10 words — < 1 %
123	www.fvhospital.com Internet	10 words — < 1 %
124	www.quanlynhanuoc.vn Internet	10 words — < 1 %
125	www.thegioisacdep.vn Internet	10 words — < 1 %
126	Nguyễn Duy Quý, Lê Nguyên Tịnh. "THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở	9 words — < 1 %

NƯỚC TA TRƯỚC YÊU CẦU CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0",
HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A
HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020

Crossref

-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 127 | Triệu V.H., Pham T.T., Đào Thị L.C.. "Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006–2020 và đề xuất nội dung Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 128 | animehay.cliphub.net
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 129 | baoninhbinh.org.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 130 | baoquangbinh.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 131 | cand.com.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 132 | catphatinh.gov.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 133 | ciso.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 134 | doanthuan.wordpress.com
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 135 | duonghoa.thuathienhue.gov.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-
- | | | |
|-----|---|-----------------|
| 136 | giasudaykem.edu.vn
<small>Internet</small> | 9 words — < 1 % |
|-----|---|-----------------|
-

137	haiphongnews.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
138	hanamtourism.vn Internet	9 words — < 1 %
139	ictvietnam.vn Internet	9 words — < 1 %
140	la34.com.vn Internet	9 words — < 1 %
141	luanvan.net.vn Internet	9 words — < 1 %
142	luanvanaz.com Internet	9 words — < 1 %
143	luatsucaohung.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
144	nguyentrung-vt.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
145	sutp.org Internet	9 words — < 1 %
146	tai-lieu.com Internet	9 words — < 1 %
147	thuongmai.vn Internet	9 words — < 1 %
148	tinhdonganquangninh.vn Internet	9 words — < 1 %
149	tochucnhanuoc.gov.vn Internet	9 words — < 1 %

150	tuthienbao.com Internet	9 words — < 1 %
151	vieclam.vietnamnet.vn Internet	9 words — < 1 %
152	www.ifc.org Internet	9 words — < 1 %
153	www.knsangtao.com Internet	9 words — < 1 %
154	www.most.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
155	www.nhandan.com.vn Internet	9 words — < 1 %
156	www.quangnamtourism.com.vn Internet	9 words — < 1 %
157	www.tapchicongsan.org.vn Internet	9 words — < 1 %
158	www.vietnamplus.vn Internet	9 words — < 1 %
159	www.zbook.vn Internet	9 words — < 1 %
160	123doc.org Internet	8 words — < 1 %
161	bantuyengiao.haiduong.org.vn Internet	8 words — < 1 %
162	congbao.tayninh.gov.vn Internet	8 words — < 1 %

163	diembao.info Internet	8 words — < 1 %
164	giamsatluat.blogspot.com Internet	8 words — < 1 %
165	isponre.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
166	kinhdoanhgivoi200trieu.com Internet	8 words — < 1 %
167	lehoanglaw.com.vn Internet	8 words — < 1 %
168	mic.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
169	nganhsuaviệtnam.vn Internet	8 words — < 1 %
170	nguyenvandua.blogspot.com Internet	8 words — < 1 %
171	nguyenxuanchau2019.wordpress.com Internet	8 words — < 1 %
172	nhandan.vn Internet	8 words — < 1 %
173	phapcheonline.vn Internet	8 words — < 1 %
174	portaldeperiodicos.unisul.br Internet	8 words — < 1 %
175	soctrang.gov.vn Internet	8 words — < 1 %

176	tc-consulting.com.vn Internet	8 words — < 1 %
177	thuvienbinhthuan.com.vn Internet	8 words — < 1 %
178	thuvienluanvan.net Internet	8 words — < 1 %
179	thuvienquangninh.org.vn Internet	8 words — < 1 %
180	topship.vn Internet	8 words — < 1 %
181	tungkhanh.com.vn Internet	8 words — < 1 %
182	tuphaptamky.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
183	vanphong.langson.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
184	vietnam.un.org Internet	8 words — < 1 %
185	vov1.quangich.com Internet	8 words — < 1 %
186	vpub.quangbinh.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
187	www.laptop4pro.vn Internet	8 words — < 1 %
188	www.phunudang.org.vn Internet	8 words — < 1 %

-
- 189 www.scribd.com 8 words — < 1 %
Internet
-
- 190 yeumoitruong.vn 8 words — < 1 %
Internet
-
- 191 baolongan.vn 7 words — < 1 %
Internet
-
- 192 [Pham T.T., Bennett K., Vu T.P., Brunner J., Le N.D., Nguyen D.T.. "Chi tra dich vu môi trung rung tai Viet Nam: Tu chinh sach den thuc tien", Center for International Forestry Research \(CIFOR\) and World Agroforestry Centre \(ICRAF\), 2013](#) 6 words — < 1 %
Crossref
-
- 193 [Pham T.T., Bennett K., Vu T.P., Brunner J., Le N.D., Nguyen D.T.. "Chi trả các dịch vụ môi trường ở Việt Nam: Từ chính sách tới thực tiễn", Center for International Forestry Research \(CIFOR\) and World Agroforestry Centre \(ICRAF\), 2013](#) 6 words — < 1 %
Crossref
-
- 194 [Phenikaa University](#) 6 words — < 1 %
Publications
-
- 195 [Tạ Tuấn Anh. "QUẢN LÝ QUY TRÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ LIÊN TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN DỊCH VỤ CÔNG CỦA CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ", KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA LẦN THỨ XII NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, 2019](#) 6 words — < 1 %
Crossref
-
- 196 [Xuận Vinh Võ, Phong Nguyên Nguyễn, Đăng Khoa Trần, Thị Thanh Phương Trần et al. "Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế số - Hàm ý cho Việt Nam", Tập san Khoa học và kỹ thuật trường Đại học Bình Dương, 2024](#) 6 words — < 1 %
Crossref

197	luatminhkhue.vn	6 words — < 1%
-----	-----------------	----------------

Internet

198	myaloha.vn	6 words — < 1%
-----	------------	----------------

Internet

199	phanbienbinhluan.wordpress.com	6 words — < 1%
-----	--------------------------------	----------------

Internet

200	quochoi.vn	6 words — < 1%
-----	------------	----------------

Internet

201	vi.wikisource.org	6 words — < 1%
-----	-------------------	----------------

Internet

EXCLUDE QUOTES OFF

EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF

EXCLUDE MATCHES OFF